

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ký thừa ủy

quyền Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 5202/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025, như sau:

1. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2025:
 - a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 7.791.000 triệu đồng;
 - Thu nội địa: 7.241.000 triệu đồng;
 - Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 550.000 triệu đồng.
 - b) Tổng thu ngân sách địa phương: 17.817.950 triệu đồng;
 - Bao gồm:
 - Các khoản thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 6.501.110 triệu đồng;
 - Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: 11.008.487 triệu đồng.
 - c) Tổng chi ngân sách địa phương: 17.817.950 triệu đồng;
 - Bao gồm:
 - Chi cân đối ngân sách địa phương: 16.990.869 triệu đồng.
 - + Chi đầu tư phát triển (bao gồm nguồn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết): 1.881.130 triệu đồng;
 - + Chi thường xuyên: 14.332.081 triệu đồng;
 - + Chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp: 456.153 triệu đồng;
 - + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.200 triệu đồng;
 - + Chi dự phòng ngân sách: 320.305 triệu đồng.
 - Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (vốn đầu tư để thực hiện các chương trình dự án, nhiệm vụ; vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia): 827.081 triệu đồng.
 - d) Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 15.829.702 triệu đồng;
 - Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh: 7.063.160 triệu đồng;
 - + Chi đầu tư phát triển (bao gồm nguồn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết): 1.217.130 triệu đồng;
 - + Chi thường xuyên: 5.226.597 triệu đồng;
 - + Chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp: 456.153 triệu đồng;
 - + Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.200 triệu đồng;
 - + Chi dự phòng ngân sách: 162.080 triệu đồng;
 - Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (vốn đầu tư để thực hiện các chương trình dự án, nhiệm vụ; vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia): 827.081 triệu đồng. - Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp huyện: 7.939.461 triệu đồng.

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Các giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

a) Về thu ngân sách

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế, các Luật Thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính. Thực hiện hoàn thiện hệ thống thu ngân sách theo chỉ đạo của Trung ương, Chiến lược cải cách hệ thống Thuế đến năm 2030 nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, mở rộng cơ sở thuế, đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Rà soát lại các chính sách ưu đãi về thuế, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, khuyến khích cạnh tranh phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và nhà đầu tư.

- Thực hiện nghiêm pháp luật về thu, quản lý thu ngân sách nhà nước, tập trung thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao hiệu quả trong công tác kết nối, khai thác, đối chiếu chéo thông tin chống chuyên giá, trốn thuế, quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh qua mạng; tập trung quản lý đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, Thuế Thu nhập cá nhân của cá nhân có nhiều nguồn thu nhập. Kiểm soát chặt chẽ hoàn Thuế Giá trị gia tăng, tổ chức việc thu ngân sách nhà nước hiệu quả.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa trong quản lý thuế, hiện đại hóa quản lý thu ở tất cả các khâu như: Quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, thực hiện phân tích rủi ro, quản lý nợ đọng thuế. Kết nối đồng bộ cơ sở thông tin dữ liệu ngành thuế với hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; kịp thời đề xuất, xử lý các vấn đề phát sinh, đồng thời triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong trung, dài hạn để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đặc biệt trong thực hiện khâu đột phá cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thu hút các nguồn vốn đầu tư, nhất là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông vùng, liên vùng.

b) Về chi ngân sách

- Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách địa phương; tập trung nguồn lực bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, các công trình trọng điểm, có tính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội liên vùng. Xác định đẩy nhanh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, tiến độ các công trình, dự án trọng điểm là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Gắn tiến độ giải ngân, hiệu quả

sử dụng vốn đầu tư công với trách nhiệm của người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân đầu tư công, trong đó có vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng. Kiên quyết điều chuyển vốn của những dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân nhưng thiếu vốn, các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công tuân thủ pháp luật, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực.

- Bố trí đủ nguồn lực thực hiện chi trả tiền lương, các chính sách lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và một số chính sách khác theo quy định hiện hành. Ưu tiên bố trí kinh phí chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp và các nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu về chính trị, quốc phòng an ninh, phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước.

- Chú trọng đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn với năng lực, hiệu quả công việc và vị trí việc làm. Đồng thời tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Kết luận của Bộ Chính trị. Hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế kỹ thuật để xác định giá dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

- Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước. Điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp dự kiến giảm thu ngân sách địa phương so dự toán được cấp có thẩm quyền giao, địa phương phải chủ động xây dựng phương án điều hành ngân sách, đảm bảo cân đối các nhiệm vụ đã được bố trí trong dự toán.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện dự toán đảm bảo theo các quy định của pháp luật

a) Đối với một số nhiệm vụ chi chưa đủ cơ sở để phân bổ, giao dự toán ngay từ đầu năm cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã; trong năm, căn cứ kết quả rà soát tổng hợp, phê duyệt đối tượng thụ hưởng (đối với các chế độ chính sách) hoặc căn cứ tiêu chuẩn, định mức, quy mô, khối lượng công việc, trách nhiệm

của từng cơ quan, đơn vị (đối với nhiệm vụ cụ thể), giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và giao bổ sung dự toán chi cho các đơn vị, đảm bảo kinh phí được sử dụng hiệu quả, đúng quy định.

b) Đối với các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (bao gồm nguồn chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp): Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị rà soát, tổng hợp, bổ sung các danh mục, nhiệm vụ được phân bổ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình đảm bảo theo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khoá XIX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng cộng	Việt Trì	Phú Thọ	Phù Ninh	Lâm Thao	Tam Nông	Thanh Thủy	Đoan Hùng	Thanh Ba	Hạ Hoà	Cẩm Khê	Yên Lập	Thanh Sơn	Tân Sơn
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	2,743,950	813,930	220,380	154,950	301,850	232,540	184,785	165,250	110,150	129,300	110,255	108,160	166,000	46,400
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo TW quản lý	11,200	-	1,000	1,200	-	-	-	-	9,000	-	-	-	-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	5,400	1,000	800	600	200	500	200	300	350	350	600	200	200	100
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	785,000	227,000	48,000	70,000	30,000	28,000	47,000	62,000	30,000	67,000	35,000	44,000	85,000	12,000
-	Thu từ các DN ngoài QĐ	717,500	197,000	42,500	67,000	25,000	26,200	44,500	58,500	28,000	64,000	32,500	42,000	79,500	10,800
-	Thu từ các hộ KD cá thể	67,500	30,000	5,500	3,000	5,000	1,800	2,500	3,500	2,000	3,000	2,500	2,000	5,500	1,200
4	Thuế thu nhập cá nhân	184,500	80,000	18,000	12,000	11,000	8,000	14,000	6,500	5,000	5,000	6,000	6,000	10,000	3,000
5	Thu tiền sử dụng đất	830,000	180,000	100,000	20,000	200,000	80,000	70,000	60,000	25,000	25,000	20,000	20,000	15,000	15,000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19,700	15,090	1,000	600	800	350	605	250	250	300	155	-	300	-
-	Khu vực DNTU, DNĐP, DNĐTNN	1,705	1,090	30	100	350	10	5	50	50	5	5	-	10	-
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	5,005	3,500	200	200	350	190	300	50	50	25	100	-	40	-
-	Hộ gia đình, cá nhân	12,990	10,500	770	300	100	150	300	150	150	270	50	-	250	-
7	Tiền cho thuê mặt đất, thuê mặt nước	247,000	92,220	6,000	12,000	16,000	79,300	14,480	3,000	4,500	1,000	8,000	5,000	4,000	1,500

-	Khu vực DNTU, DNĐP, DNĐTNN	135,230	55,100	600	2,500	8,400	65,000	400	700	1,000	100	150	80	200	1,000
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	110,330	37,000	5,400	9,400	7,000	14,000	14,000	2,200	3,450	890	7,800	4,900	3,790	500
-	Hộ gia đình, cá nhân	1,440	120	-	100	600	300	80	100	50	10	50	20	10	-
8	Lệ phí trước bạ	350,000	120,000	26,000	23,000	24,500	18,000	18,000	20,000	20,000	17,000	22,000	11,500	23,000	7,000
-	Đối với tàu thuyền, ô tô, xe máy	321,000	110,000	24,000	22,000	23,000	15,000	15,000	19,000	19,000	16,000	20,500	10,000	21,000	6,500
-	Đối với nhà đất	29,000	10,000	2,000	1,000	1,500	3,000	3,000	1,000	1,000	1,000	1,500	1,500	2,000	500
9	Thu phí và lệ phí	127,650	26,350	12,100	5,850	6,150	9,190	10,000	5,100	8,500	3,550	7,500	12,860	17,000	3,500
-	Phí bảo vệ MT khai thác khoáng sản	70,000	5,240	7,200	2,500	2,000	6,500	6,480	2,600	5,580	1,000	3,900	11,000	14,000	2,000
-	Phí, lệ phí còn lại (đã bao gồm lệ phí môn bài)	57,650	21,110	4,900	3,350	4,150	2,690	3,520	2,500	2,920	2,550	3,600	1,860	3,000	1,500
	<i>Trong đó:</i>														
+	Phí nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ tổ chức thu	16,420	7,400	1,600	1,140	1,640	490	1,315	150	725	245	870	160	415	270
+	Thu từ các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý	770	600	100	10	10	-	5	-	5	5	30	-	5	-
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tài nguyên nước	74,000	47,770	180	2,500	4,000	1,600	2,000	1,000	350	2,500	2,000	4,000	5,100	1,000
-	Do Trung ương cấp giấy phép	2,700	500	-	-	-	250	500	-	350	-	-	-	1,100	-
-	Do UBND tỉnh cấp giấy phép	71,300	47,270	180	2,500	4,000	1,350	1,500	1,000	-	2,500	2,000	4,000	4,000	1,000
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	12,400	1,500	500	500	1,900	2,100	1,200	600	700	1,600	800	400	400	200
12	Thu khác ngân sách	97,100	23,000	6,800	6,700	7,300	5,500	7,300	6,500	6,500	6,000	8,200	4,200	6,000	3,100
-	Thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông do lực lượng thuộc cơ quan	73,000	15,000	6,000	5,700	5,300	4,000	4,500	5,500	5,000	4,000	7,000	3,500	5,000	2,500

	Trung ương thu														
-	Thu khác còn lại (đã bao gồm thu xử phạt VPHC, tịch thu khác do lực lượng thuộc địa phương thu)	24,100	8,000	800	1,000	2,000	1,500	2,800	1,000	1,500	2,000	1,200	700	1,000	600
B	THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH, THỊ ĐƯỢC HUỖNG (Đã bao gồm ngân sách cấp xã)	1,988,248	683,507	144,160	128,350	227,375	140,920	138,714	110,905	67,614	79,888	64,620	67,520	105,225	29,450
1	Thu điều tiết từ các khoản thu trên địa bàn	1,634,488	447,707	141,850	87,850	214,875	115,920	124,214	104,905	61,614	76,888	64,270	67,070	98,225	29,100
2	Thu điều tiết từ các khoản do Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	353,760	235,800	2,310	40,500	12,500	25,000	14,500	6,000	6,000	3,000	350	450	7,000	350
-	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh (Thu từ các DN ngoài quốc doanh)	353,760	235,800	2,310	40,500	12,500	25,000	14,500	6,000	6,000	3,000	350	450	7,000	350